

ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI
VIỆN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN & TRUYỀN THÔNG



PHÂN TÍCH YÊU CẦU

HỌC PHẦN: ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN

**ĐỀ TÀI: XÂY DỰNG HỆ THỐNG XEM PHIM TRỰC
TUYẾN TÍCH HỢP CHỨC NĂNG GỢI Ý**

Sinh viên: Nguyễn Danh Nam

MSSV: 20166477 CN-CNTT K61

Giảng viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Nhật Quang

Style Definition: TOC 2: Line spacing: Multiple 1.15 li, Tab stops: 6.49", Right, Leader: ...

Mục lục

1. Giới thiệu	5
1.1 Mục đích	5
1.2 Phạm vi	5
1.3 Định nghĩa.....	5
1.4 Tài liệu tham khảo	5
1.5 Cấu trúc tài liệu	5
2. Yêu cầu chi tiết.....	6
2.1 Yêu cầu chức năng	6
2.2	Yêu cầu phi chức năng
.....	39

Danh mục hình ảnh

Hình 1. Biểu đồ usecase tổng quan	6
Hình 2. Biểu đồ phân rã usecase Khám phá kho phim	12
Hình 3. Biểu đồ phân rã usecase Quản lí phim	21
Hình 4. Biểu đồ phân rã usecase Quản lí thể loại phim	25
Hình 5. Biểu đồ phân rã usecase Quản lí người dùng	29
Hình 6. Biểu đồ phân rã usecase Quản lí bình luận	35
Hình 7. Biểu đồ phân rã usecase Quản trị trang web	36

Danh mục bảng biểu

Bảng 1. Đặc tả usecase Đăng ký	7
Bảng 2. Đặc tả usecase Đăng nhập	8
Bảng 3. Đặc tả usecase Đăng xuất	9
Bảng 4. Đặc tả usecase Lấy lại mật khẩu	10
Bảng 5. Phân ra usecase Chỉnh sửa thông tin cá nhân	11
Bảng 6. Đặc tả usecase Tìm kiếm	13
Bảng 7. Đặc tả usecase Xem thông tin phim	13
Bảng 8. Đặc tả usecase Xem trực tuyến	14
Bảng 9. Đặc tả usecase Like phim	15
Bảng 10. Đặc tả usecase Dislike phim	16
Bảng 11. Đặc tả usecase Rate phim	17
Bảng 12. Đặc tả usecase Bình luận	18
Bảng 13. Đặc tả usecase Chia sẻ phim	19
Bảng 14. Đặc tả usecase Loại bỏ phim yêu thích	19
Bảng 15. Đặc tả usecase Nhận gợi ý phim	20
Bảng 16. Đặc tả usecase Thêm phim	22
Bảng 17. Đặc tả usecase Xem chi tiết phim	23
Bảng 18. Đặc tả usecase Sửa thông tin phim	23
Bảng 19. Đặc tả usecase Xoá phim	24
Bảng 20. Đặc tả usecase Tìm kiếm thể loại phim	26
Bảng 21. Đặc tả usecase Thêm thể loại phim	27
Bảng 22. Đặc tả usecase Sửa thể loại phim	27
Bảng 23. Đặc tả usecase Xoá thể loại phim	28
Bảng 24. Đặc tả usecase Tìm kiếm người dùng	30
Bảng 25. Đặc tả usecase Xem thông tin người dùng	30
Bảng 26. Đặc tả usecase Cấp quyền quản trị	31
Bảng 27. Đặc tả usecase Xoá quyền quản trị	32
Bảng 28. Đặc tả usecase Khoá người dùng	33
Bảng 29. Đặc tả usecase Mở khoá người dùng	34
Bảng 30. Đặc tả usecase Xem thống kê	34
Bảng 31. Đặc tả usecase Ẩn bình luận	36
Bảng 32. Đặc tả usecase Thêm thông báo	37
Bảng 33. Đặc tả usecase Xem chi tiết thông báo	38
Bảng 34. Đặc tả usecase Sửa thông báo	38
Bảng 35. Đặc tả usecase Xoá thông báo	39

1. Giới thiệu

1.1 Mục đích

Tài liệu này cung cấp mô tả chi tiết về các yêu cầu cho hệ thống xem phim trực tuyến VietFlix. Bao gồm các ràng buộc và các yêu cầu phần mềm của hệ thống được xây dựng.

1.2 Phạm vi

Hệ thống xem phim online được chạy trên nền tảng web nhằm phục vụ nhu cầu xem các bộ phim nằm trong kho phim của hệ thống và cung cấp các chức năng cho quản trị viên để quản trị cái thao tác với hệ thống, người dùng thao tác thông qua trình duyệt web (Chrome, Safari, Firefox).

1.3 Định nghĩa

Các thuật ngữ, từ viết tắt trong tài liệu:

- CSDL: cơ sở dữ liệu
- Admin: người quản trị hệ thống
- Username: tài khoản người dùng.

1.4 Tài liệu tham khảo

- Slide môn học Nhập môn công nghệ phần mềm- Ths. Nguyễn Đức Trung, bộ môn Công nghệ phần mềm Đại học Bách Khoa Hà Nội.

1.5 Cấu trúc tài liệu

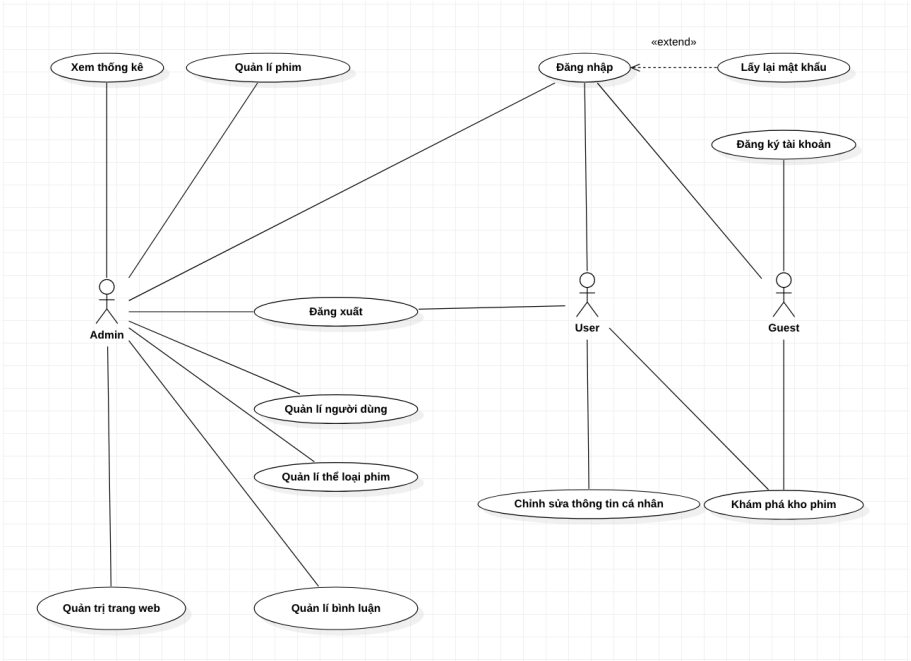
Tài liệu bao gồm 2 phần chính:

1. Giới thiệu: mô tả khái quát về mục đích, phạm vi, các công việc cần thực hiện của tài liệu.
2. Phân tích các yêu cầu: đưa ra các yêu cầu chức năng và phi chức năng, mô tả các trường hợp sử dụng.

2. Yêu cầu phần mềm

2.1 Yêu cầu chức năng

Sơ đồ usecase tổng quan:



Hình 1. Biểu đồ usecase tổng quan

- Bỏ quan hệ giữa uc “Đăng nhập” với 2 tác nhân User, Admin.

Formatted: English (US)

Formatted: List Paragraph, Bulleted + Level: 1 + Aligned at: 0.25" + Indent at: 0.5"

➤ **Đặc tả usecase đăng ký**

Mã usecase	UC1
Tên usecase	Đăng ký tài khoản
Tác nhân	Guest
Mô tả	Người dùng tạo tài khoản dùng để đăng nhập vào hệ thống.
Sự kiện kích hoạt	Người dùng bấm vào nút “Đăng ký” trên giao diện trang chủ hoặc trên form đăng nhập.
Điều kiện tiên quyết	Không có
Luồng xử lý chính	<ol style="list-style-type: none">1. Người dùng click vào “Đăng ký”.2. Giao diện hiển thị form đăng ký.3. Người dùng điền các thông tin: tên đăng nhập (username), email, mật khẩu của người dùng trên form đăng ký.4. Hệ thống kiểm tra thông tin và lưu dữ liệu đăng ký vào cơ sở dữ liệu. Hiển thị thông báo việc đăng ký tài khoản.5. Gửi mail tới địa chỉ email của người dùng để xác thực tài khoản.
Luồng xử lý ngoại lệ	4.a Thông tin không hợp lệ: thông báo lại cho người dùng.

Bảng 1. Đặc tả usecase Đăng ký tài khoản

➤ **Đặc tả usecase Đăng nhập**

Mã usecase	UC2
Tên usecase	Đăng nhập
Tác nhân	Guest
Mô tả	Sử dụng tài khoản đã tồn tại để đăng nhập vào hệ thống.
Sự kiện kích hoạt	Khách (Guest) click vào chức năng Đăng nhập.
Điều kiện tiên quyết	Không có.
Luồng xử lý chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách bấm vào nút đăng nhập trên giao diện của hệ thống. 2. Điền thông tin đăng nhập gồm username và mật khẩu. 3. Hệ thống kiểm tra dữ liệu đăng nhập và có thể phải kiểm tra phân quyền nếu cần thiết. 4. Chuyển sang giao diện tương ứng với từng vai trò của tài khoản đã được nhập.
Luồng xử lý ngoại lệ	<p>3.a. Thông tin đăng nhập bị sai: thông báo trên giao diện đăng nhập.</p> <p>3.b. Tài khoản đang bị khoá: thông báo và chuyển giao diện sang giao diện dành cho các tài khoản bị khoá.</p>

Bảng 2. Đặc tả usecase Đăng nhập

➤ Đặc tả usecase Đăng xuất

Mã usecase	UC3
Tên usecase	Đăng xuất

Deleted: Admin, User,

Deleted: Nút đăng nhập được

Deleted: trên giao diện trang chủ của giao diện xem phim hoặc giao diện quản trị hệ thống

Deleted: Người dùng

Tác nhân	Admin, User
Mô tả	Thoát tài khoản đang đăng nhập ra khỏi hệ thống.
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào nút Đăng xuất trên giao diện hệ thống.
Điều kiện tiên quyết	Đang đăng nhập một tài khoản trên hệ thống.
Luồng xử lý chính	1. Người dùng bấm vào nút đăng xuất trên giao diện của hệ thống. 2. Chuyển sang giao diện trang chủ tương ứng với từng tài khoản vừa đăng xuất.
Luồng xử lý ngoại lệ	Không có

Bảng 3. Đặc tả usecase Đăng xuất

➤ Đặc tả usecase Lấy lại mật khẩu

Mã usecase	UC4
Tên usecase	Lấy lại mật khẩu
Tác nhân	<u>Guest</u>
Mô tả	<u>Chức năng này cho phép</u> lấy lại mật khẩu khi bị quên.
Sự kiện kích hoạt	<u>Khách</u> nhấn vào nút Quên mật khẩu trên form đăng nhập.
Điều kiện tiên quyết	Tài khoản muốn lấy lại mật khẩu phải được đăng ký trước đó.
Luồng xử lý chính	1. Người dùng bấm vào nút Đăng nhập.

Deleted: Admin, User

Formatted: English (US)

Deleted: Sử dụng tài khoản đã tồn tại để

Deleted: Người dùng

	<ol style="list-style-type: none"> Người dùng bấm vào nút Quên mật khẩu ở trên form đăng nhập và nhập email của tài khoản bị quên. Hệ thống gửi mail đến tài khoản của tài khoản. Người dùng bấm đường link trong mail vừa được gửi để tiếp tục quá trình lấy lại mật khẩu. Người dùng nhập mật khẩu mới. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu. Cập nhật dữ liệu đăng nhập của tài khoản này.
Luồng xử lí ngoại lệ	6.a. Mật khẩu trùng với mật khẩu cũ hoặc không hợp lệ : hiển thị thông báo trên form nhập mật khẩu.

Bảng 4. Đặc tả usecase Lấy lại mật khẩu

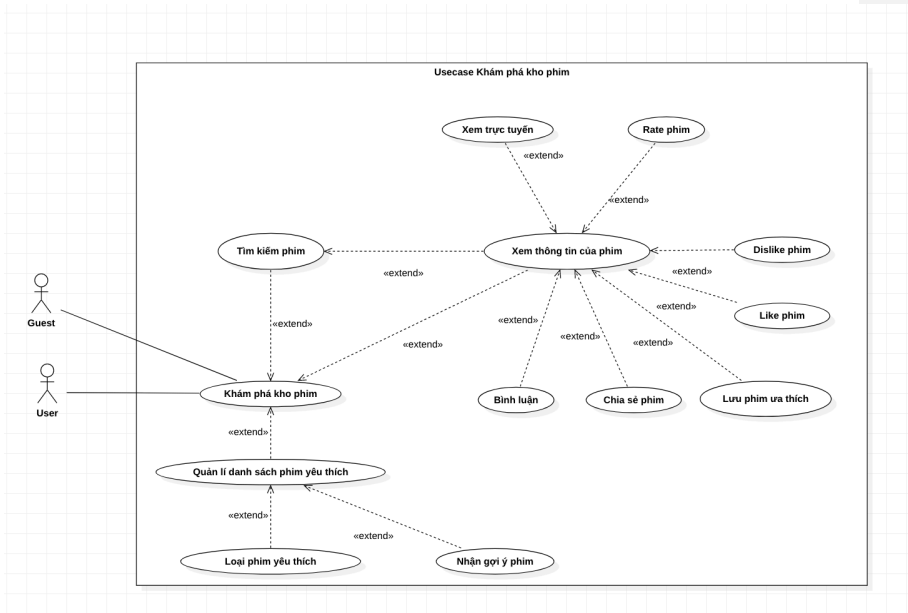
➤ **Đặc tả usecase Chỉnh sửa thông tin cá nhân**

Mã usecase	UC5
Tên usecase	Chỉnh sử thông tin cá nhân
Tác nhân	User
Mô tả	Người dùng chỉnh sửa thông tin cá nhân.
Sự kiện kích hoạt	Người dùng bấm vào nút “Chỉnh sửa thông tin” trên header của trang web.
Điều kiện tiên quyết	Người dùng đã đăng nhập.
Luồng xử lí chính	<ol style="list-style-type: none"> Người dùng bấm vào nút “Chỉnh sửa thông tin” trên header của trang web.

	<ul style="list-style-type: none"> 2. Người dùng nhập thông tin cần sửa vào form chỉnh sửa. 3. Người dùng bấm nút “Lưu” để hoàn thành việc sửa. 4. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu. 5. Hệ thống lưu dữ liệu của người dùng vào cơ sở dữ liệu. 6. Hệ thống thông báo kết quả chỉnh sửa tới người dùng.
Luồng xử lý ngoại lệ	4.a Dữ liệu không hợp lệ: thông báo lại cho người dùng.

Bảng 5. Phân ra usecase Chỉnh sửa thông tin cá nhân

➤ **Phân rã usecase Khám phá kho phim**



o Bổ sung uc “Lưu lại phim ưa thích” và gắn quan hệ extend trở từ uc này đến uc “Xem thông tin phim”;

Hình 2. Biểu đồ phân rã usecase Khám phá kho phim

➤ **Đặc tả usecase Tìm kiếm phim**

Mã usecase	UC5
Tên usecase	Tìm kiếm phim
Tác nhân	User, Guest
Mô tả	Người dùng tìm kiếm các bộ phim trong kho phim của hệ thống thông qua từ khoá tìm kiếm.
Sự kiện kích hoạt	Người dùng bấm nút có biểu tượng tìm kiếm trên header của trang chủ.

Điều kiện tiên quyết	Không có.
Luồng xử lý chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng bấm vào khu vực nhập từ khoá tìm kiếm trên thanh tìm kiếm và bấm vào nút có biểu tượng tìm kiếm. 2. Hệ thống tìm ra các tài nguyên phù hợp liên quan đến từ khóa tìm kiếm. 3. Giao diện hiển thị lên danh sách các kết quả phù hợp.
Luồng xử lý ngoại lệ	Không có

Bảng 6. Đặc tả usecase Tìm kiếm

➤ **Đặc tả usecase Xem thông tin phim**

Mã usecase	UC6
Tên usecase	Xem thông tin phim
Tác nhân	Người dùng
Mô tả	Người dùng xem thông tin chi tiết về bộ phim trên giao diện ứng dụng.
Sự kiện kích hoạt	Người dùng bấm vào đường link tới phim.
Điều kiện tiên quyết	Không có.
Luồng xử lý chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng chọn phim muốn xem chi tiết. 2. Hệ thống lấy dữ liệu về phim trong cơ sở dữ liệu và hiển thị lên.
Luồng xử lý ngoại lệ	Không có.

Bảng 7. Đặc tả usecase Xem thông tin phim

➤ **Đặc tả usecase Xem trực tuyến**

Mã usecase	UC7
Tên usecase	Xem trực tuyến phim
Tác nhân	Người dùng
Mô tả	Xem trực tuyến bộ phim trên giao diện ứng dụng
Sự kiện kích hoạt	Người dùng bấm vào biểu tượng Phát trên giao diện hiển thị chi tiết của phim.
Điều kiện tiên quyết	Không có
Luồng xử lý chính	1. Người dùng bấm vào nút phát phim. 2. Hệ thống lấy dữ liệu từ khu lưu trữ phim trả về cho trình duyệt.
Luồng xử lý ngoại lệ	Không có.

Bảng 8. Đặc tả usecase Xem trực tuyến

➤ **Đặc tả usecase Like phim**

Mã usecase	UC8
Tên usecase	Like phim
Tác nhân	Người dùng
Mô tả	Người dùng thể hiện cảm xúc thích với bộ phim.
Sự kiện kích hoạt	Người dùng bấm vào nút biểu tượng Like trong giao diện hiển thị chi tiết phim.

Điều kiện tiên quyết	Người dùng đã đăng nhập.
Luồng xử lý chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng bấm vào nút biểu tượng Like trong giao diện hiển thị chi tiết phim. 2. Hệ thống lưu dữ liệu like phim của người dùng vào CSDL 3. Thay đổi màu sắc của biểu tượng “like” để thể hiện là người dùng đã like phim này.
Luồng xử lý ngoại lệ	Không có

Bảng 9. Đặc tả usecase Like phim

➤ **Đặc tả usecase Like phim**

Mã usecase	UC35
Tên usecase	Lưu lại phim ưa thích
Tác nhân	Người dùng
Mô tả	Người dùng lưu phim vào danh sách ưa thích
Sự kiện kích hoạt	Người dùng bấm vào nút biểu tượng Thêm trong giao diện hiển thị chi tiết phim.
Điều kiện tiên quyết	Người dùng đã đăng nhập.
Luồng xử lý chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng bấm vào nút biểu tượng Thêm trong giao diện hiển thị chi tiết phim. 2. Hệ thống lưu dữ phim yêu thích của người dùng 3. Thay đổi màu sắc của biểu tượng “like” để thể hiện là người dùng đã lưu phim này và danh sách yêu thích.

Luồng xử lí ngoại lệ	Không có
----------------------	----------

Bảng 10. Đặc tả usecase Lưu lại phim ưa thích

➤ **Đặc tả usecase Dislike phim**

Mã usecase	UC9
Tên usecase	Dislike phim
Tác nhân	Người dùng
Mô tả	Người dùng thể hiện cảm xúc không thích với bộ phim.
Sự kiện kích hoạt	Người dùng bấm vào nút có biểu tượng dislike.
Điều kiện tiên quyết	Người dùng đã đăng nhập.
Luồng xử lí chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng bấm vào nút dislike trên giao diện chi tiết của bộ phim. 2. Hệ thống xoá phim này khỏi danh sách yêu thích nếu phim này có trong đó và cập nhập dữ liệu. 3. Thay đổi màu sắc nút dislike để thể hiện người dùng đã disliked phim này.
Luồng xử lí ngoại lệ	Không có.

Bảng 11. Đặc tả usecase Dislike phim

➤ **Đặc tả usecase Rate phim**

Mã usecase	UC10
------------	------

Tên usecase	Rate phim
Tác nhân	Người dùng
Mô tả	Người dùng gửi đánh giá về phim.
Sự kiện kích hoạt	Người dùng gửi đánh giá bằng cách click vào thang điểm tương ứng.
Điều kiện tiên quyết	Người dùng đã đăng nhập.
Luồng xử lý chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trong giao diện chi tiết phim có hiển thị giao diện là dãy 5 nút bấm có biểu tượng ngôi sao, người dùng bấm vào nút để gửi đánh giá. 2. Thứ tự nút được bấm tương ứng với số điểm đã chấm. 3. Hệ thống lưu lại đánh giá vào cơ sở dữ liệu
Luồng xử lý ngoại lệ	Không có.

Bảng 12. Đặc tả usecase Rate phim

➤ Đặc tả usecase Bình luận

Mã usecase	UC11
Tên usecase	Bình luận
Tác nhân	Người dùng
Mô tả	Người dùng gửi bình luận về phim.
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhập và bấm nút gửi bình luận.

Điều kiện tiên quyết	Người dùng đã đăng nhập.
Luồng xử lý chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng nhập bình luận vào khu vực nhập bình luận ở giao diện chi tiết phim. 2. Hệ thống lưu lại bình luận vào cơ sở dữ liệu. 3. Giao diện hiển thị bình luận của người dùng vừa nhập.
Luồng xử lý ngoại lệ	2.a Bình luận chứa ký tự đặc biệt hoặc dài quá 5000 ký tự: thông báo lỗi cho người dùng.

Bảng 13. Đặc tả usecase Bình luận

➤ Đặc tả usecase Chia sẻ phim

Mã usecase	UC12
Tên usecase	Chia sẻ phim
Tác nhân	Người dùng
Mô tả	Người dùng lấy link chia sẻ phim.
Sự kiện kích hoạt	Người dùng bấm vào nút Chia sẻ trên giao diện chi tiết phim.
Điều kiện tiên quyết	Người dùng đã đăng nhập.
Luồng xử lý chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng bấm vào nút Chia sẻ trên giao diện chi tiết phim. 2. Hệ thống generate ra link chia sẻ bằng ID của phim và tự động lưu vào trong clipboard của thiết bị. 3. Thông báo cho người dùng là đã copy link chia sẻ vào trong clipboard.

Luồng xử lí ngoại lệ	Không có.
----------------------	-----------

Bảng 14. Đặc tả usecase Chia sẻ phim

➤ **Đặc tả usecase Loại bỏ phim yêu thích**

Mã usecase	UC13
Tên usecase	Loại bỏ phim yêu thích
Tác nhân	User
Mô tả	Người dùng xem thông tin chi tiết về bộ phim trên giao diện ứng dụng.
Sự kiện kích hoạt	Người bấm nút “Xoá” trong giao diện quản lí danh sách yêu thích
Điều kiện tiên quyết	Người dùng đã đăng nhập.
Luồng xử lí chính	<ol style="list-style-type: none">1. Người dùng truy nhập vào giao diện quản lí danh sách yêu thích.2. Người dùng bấm nút “Xoá” tương ứng với phim cần loại bỏ.3. Hệ thống cập nhật dữ liệu về danh sách yêu thích của người dùng vào cơ sở dữ liệu.4. Giao diện về danh sách phim yêu thích của người dùng được cập nhật.
Luồng xử lí ngoại lệ	Không có.

Bảng 15. Đặc tả usecase Loại bỏ phim yêu thích

➤ **Đặc tả usecase Nhận gợi ý phim**

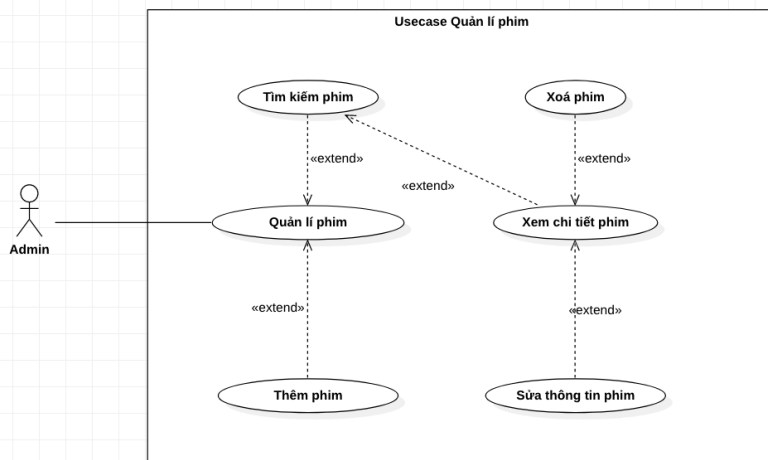
Mã usecase	UC14
------------	------

Deleted: 3

Tên usecase	Nhận gợi ý phim
Tác nhân	User
Mô tả	Người sẽ nhìn thấy danh sách phim do hệ thống đề xuất.
Sự kiện kích hoạt	Người dùng đăng nhập vào hệ thống.
Điều kiện tiên quyết	Người dùng đã đăng nhập.
Luồng xử lý chính	1. Hệ thống lấy dữ liệu gợi ý từ hệ thống gợi ý và hiển thị lên giao diện.
Luồng xử lý ngoại lệ	Không có.

Bảng 16. Đặc tả usecase Nhận gợi ý phim

➤ **Phân rã usecase Quản lý phim**



Hình 3. Biểu đồ phân ra usecase Quản lý phim

➤ Đặc tả usecase Thêm phim

Mã usecase	UC15
Tên usecase	Thêm phim
Tác nhân	Admin
Mô tả	Admin thêm phim vào kho phim của hệ thống.
Sự kiện kích hoạt	Admin bấm nút thêm phim vào điền các dữ liệu cần thiết và bấm Thêm.
Điều kiện tiên quyết	Tài khoản đăng nhập có quyền quản trị viên.
Luồng xử lý chính	1. Admin bấm nút Thêm phim trên giao diện của quản trị viên.

Deleted: 4

	<ol style="list-style-type: none">Admin nhập các dữ liệu cần thiết về phim trong form thêm phim.Admin bấm nút Thêm để hoàn thành việc thêm.Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu.Lưu các dữ liệu cần thiết vào cơ sở dữ liệu và dịch vụ lưu trữ để lưu phim.Cập nhật giao diện để thể hiện quá trình thêm phim.
Luồng xử lý ngoại lệ	4.a. Dữ liệu về phim không hợp lệ: thông báo lỗi.

Bảng 17. Đặc tả usecase Thêm phim

➤ **Đặc tả usecase Xem chi tiết phim**

Mã usecase	UC16
Tên usecase	Xem chi tiết phim
Tác nhân	Admin
Mô tả	Admin xem thông tin chi tiết về bộ phim trên giao diện ứng dụng.
Sự kiện kích hoạt	Admin bấm vào phim trong danh sách phim ở trang chủ của hệ thống quản trị.
Điều kiện tiên quyết	Tài khoản đăng nhập có quyền quản trị viên.
Luồng xử lý chính	<ol style="list-style-type: none">Admin bấm vào phim trên giao diện hiển thị danh sách các phim của hệ thống.Hệ thống lấy dữ liệu về phim trong CSDL hiển thị trong giao diện chi tiết phim.

Deleted: 5

Luồng xử lí ngoại lệ	Không có.
----------------------	-----------

Bảng 18. Đặc tả usecase Xem chi tiết phim

➤ **Đặc tả usecase Sửa thông tin phim**

Mã usecase	UC17
Tên usecase	Sửa thông tin phim
Tác nhân	Admin
Mô tả	Admin thay đổi thông tin chi tiết của phim.
Sự kiện kích hoạt	Admin bấm nút Chỉnh sửa trong giao diện chi tiết phim.
Điều kiện tiên quyết	Tài khoản đăng nhập có quyền quản trị viên.
Luồng xử lí chính	1. Admin bấm nút Chỉnh sửa trong giao diện chi tiết phim. 2. Admin bấm nút Lưu để hoàn thành việc sửa. 3. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu. 4. Lưu dữ liệu hợp lệ vào CSDL. 5. Thông báo thành công và cập nhật giao diện chi tiết phim với dữ liệu mới.
Luồng xử lí ngoại lệ	3.a. Dữ liệu cập nhập không hợp lệ: thông báo cho admin.

Bảng 19. Đặc tả usecase Sửa thông tin phim

➤ **Đặc tả usecase Xóa phim**

Mã usecase	UC18
Tên usecase	Xóa phim
Tác nhân	Admin

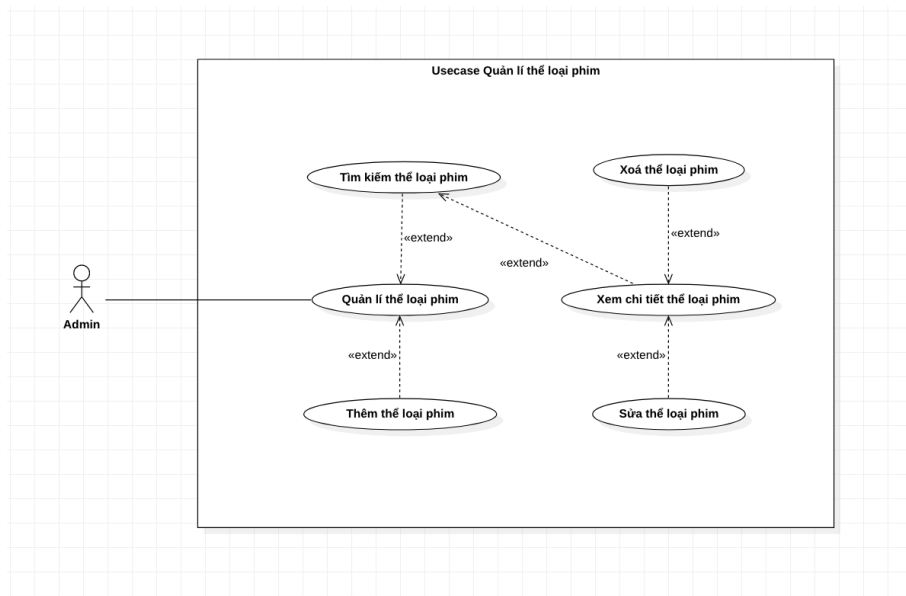
Deleted: 6

Deleted: 7

Mô tả	Admin xoá bộ phim khỏi kho phim của hệ thống.
Sự kiện kích hoạt	Admin click vào nút Xoá trong giao diện chi tiết phim.
Điều kiện tiên quyết	Tài khoản đăng nhập có quyền quản trị viên.
Luồng xử lý chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Admin bấm nút Xoá. 2. Giao diện hiển thị form xác nhận yêu cầu admin đồng ý với việc xoá. 3. Admin chọn nút Đồng ý để chắc chắn xoá phim. 4. Hệ thống thay đổi trạng thái của phim thành đã xoá và cập nhật vào CSDL, đồng thời xoá video file của phim trên dịch vụ lưu trữ. 5. Hệ thống thông báo kết quả việc xoá và chuyển giao diện sang giao diện trang chủ.
Luồng xử lý ngoại lệ	Không có

Bảng 20. Đặc tả usecase Xoá phim

- Phân rã usecase Quản lý thể loại phim



Hình 4. Biểu đồ phân rã usecase Quản lý thẻ loại phim

➤ Đặc tả usecase Tìm kiếm thẻ loại phim

Mã usecase	UC19
Tên usecase	Tìm kiếm thẻ loại phim
Tác nhân	Admin
Mô tả	Admin tìm kiếm thẻ loại phim.
Sự kiện kích hoạt	Admin bấm nút tìm kiếm trên thanh tìm kiếm ở giao diện quản lý thẻ loại phim.
Điều kiện tiên quyết	Tài khoản đăng nhập có quyền quản trị.
Luồng xử lý chính	1. Admin nhập từ khoá vào form tìm kiếm ở giao diện quản lý thẻ loại phim.

	<ol style="list-style-type: none">Admin bấm vào nút có biểu tượng tìm kiếm để lấy kết quả.Hệ thống xử lý và lấy ra các thẻ loại phù hợp với từ khoá và hiển thị lên giao diện kết quả tìm kiếm.
Luồng xử lý ngoại lệ	3.a Nếu không có kết quả nào phù hợp thì sẽ hiển thị ơ giao diện kết quả tìm kiếm là “Không có kết quả nào phù hợp.”

Bảng 21. Đặc tả usecase Tìm kiếm thẻ loại phim

➤ **Đặc tả usecase Thêm thẻ loại phim**

Mã usecase	UC20
Tên usecase	Thêm thẻ loại phim
Tác nhân	Admin
Mô tả	Admin thêm thẻ loại phim.
Sự kiện kích hoạt	Admin bấm nút Thêm thẻ loại trên trang chủ hoặc trong giao diện thêm phim.
Điều kiện tiên quyết	Tài khoản đăng nhập có quyền quản trị viên.
Luồng xử lý chính	<ol style="list-style-type: none">Admin bấm nút Thêm thẻ loại trên trang chủ hoặc trong giao diện thêm phim.Hệ thống hiển thị form để nhập thông tin.Admin nhập thông tin về thẻ loại và bấm nút Thêm để hoàn thành việc thêm.Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu.Hệ thống lưu dữ liệu hợp lệ về thẻ loại vào cơ sở dữ liệu.Hệ thống thông báo kết quả thêm thẻ loại.

Deleted: 18

Luồng xử lí ngoại lệ	4.a. Dữ liệu về thẻ loại không hợp lệ: thông báo thêm thất bại.
----------------------	---

Bảng 22. Đặc tả usecase Thêm thẻ loại phim

➤ **Đặc tả usecase Sửa thông tin thẻ loại phim**

Mã usecase	UC21
Tên usecase	Sửa thông tin thẻ loại phim
Tác nhân	Admin
Mô tả	Admin thay đổi thông tin của thẻ loại.
Sự kiện kích hoạt	Admin bấm nút Sửa trong giao diện hiển thị danh sách các thẻ loại.
Điều kiện tiên quyết	Tài khoản đăng nhập có quyền quản trị viên.
Luồng xử lí chính	<div>1. Admin mở danh sách các thẻ loại phim có trong hệ thống.</div> <div>2. Admin bấm nút Sửa cho thẻ loại cần sửa.</div> <div>3. Hệ thống hiển thị form để nhập dữ liệu.</div> <div>4. Admin điền thông tin về thẻ loại cần sửa.</div> <div>5. Admin bấm nút Lưu để hoàn thành việc sửa.</div> <div>6. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu.</div> <div>7. Hệ thống lưu dữ liệu hợp lệ vào CSDL.</div> <div>8. Giao diện về danh sách thẻ loại được cập nhật.</div> <div>9. Thông báo kết quả sửa thông tin thẻ loại.</div>
Luồng xử lí ngoại lệ	6.a. Dữ liệu về thẻ loại không hợp lệ: thông báo thêm thất bại.

Bảng 23. Đặc tả usecase Sửa thẻ loại phim

➤ **Đặc tả usecase Xóa thẻ loại phim**

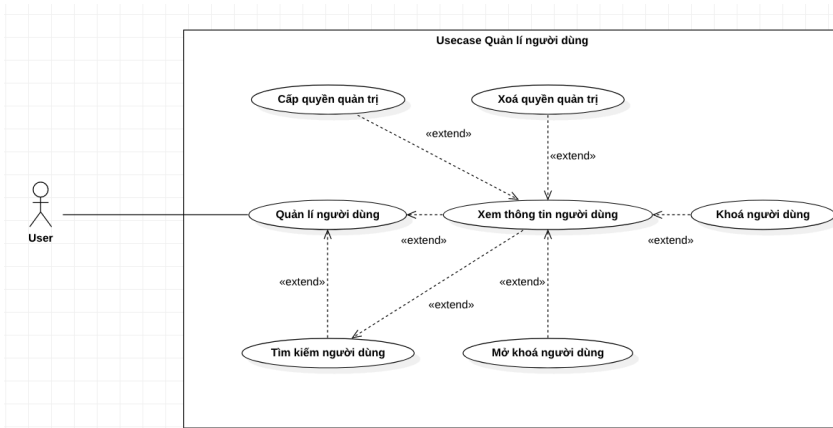
Deleted: 19

Mã usecase	UC2 2
Tên usecase	Xoá thẻ loại phim
Tác nhân	Admin
Mô tả	Admin xoá thẻ loại phim.
Sự kiện kích hoạt	Admin click vào nút Xoá trong giao diện hiển thị danh sách thẻ loại.
Điều kiện tiên quyết	Tài khoản đăng nhập có quyền quản trị viên.
Luồng xử lý chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Admin bấm nút Xoá ở thẻ loại cần xoá trong danh sách thẻ loại. 2. Giao diện hiển thị form xác nhận yêu cầu admin đồng ý với việc xoá. 3. Admin chọn nút Đồng ý để chắc chắn xoá thẻ loại. 4. Hệ thống cập nhật dữ liệu về thẻ loại đã bị xoá vào CSDL. 5. Hệ thống thông báo kết quả việc xoá và giao diện danh sách thẻ loại được cập nhật.
Luồng xử lý ngoại lệ	Không có

Deleted: 0

Bảng 24. Đặc tả usecase Xoá thẻ loại phim

➤ Phân rã usecase Quản lí người dùng



- Gắn quan hệ extend trở từ uc “Xem thông tin người dùng” đến uc “Quản lý người dùng”.

Hình 5. Biểu đồ phân ra usecase Quản lý người dùng

Formatted: List Paragraph, Bulleted + Level: 1 + Aligned at: 0.25" + Indent at: 0.5"

➤ Đặc tả usecase Tìm kiếm người dùng

Mã usecase	UC23
Tên usecase	Tìm kiếm người dùng
Tác nhân	Admin
Mô tả	Admin tìm kiếm người dùng.
Sự kiện kích hoạt	Admin bấm nút tìm kiếm trên thanh tìm kiếm ở giao diện quản lý người dùng.
Điều kiện tiên quyết	Tài khoản đăng nhập có quyền quản trị.
Luồng xử lý chính	1. Admin nhập từ khoá vào form tìm kiếm ở giao diện quản lý người dùng. 2. Admin bấm vào nút có biểu tượng tìm kiếm để lấy kết quả.

	3. Hệ thống xử lí và lấy ra các thẻ loại phù hợp với từ khoá và hiển thị lên giao diện kết quả tìm kiếm.
Luồng xử lí ngoại lệ	3.a Nếu không có kết quả nào phù hợp thì sẽ hiển thị ơ giao diện kết quả tìm kiếm là “Không có kết quả nào phù hợp.”

Bảng 25. Đặc tả usecase Tìm kiếm người dùng

➤ **Đặc tả usecase Xem thông tin người dùng**

Mã usecase	UC24
Tên usecase	Xem thông tin người dùng
Tác nhân	Admin
Mô tả	Admin xem thông tin của người dùng hệ thống.
Sự kiện kích hoạt	Admin bấm vào người dùng trong giao diện hiển thị danh sách người dùng.
Điều kiện tiên quyết	Tài khoản đăng nhập có quyền quản trị.
Luồng xử lí chính	1. Admin bấm vào người dùng trong giao diện hiển thị danh sách người dùng. 2. Hệ thống lấy dữ liệu về người dùng và hiển thị giao diện chi tiết người dùng cho admin.
Luồng xử lí ngoại lệ	Không có

Bảng 26. Đặc tả usecase Xem thông tin người dùng

➤ **Đặc tả usecase Cấp quyền quản trị**

Mã usecase	UC25
------------	------

Deleted: 1

Tên usecase	Cấp quyền quản trị.
Tác nhân	Admin
Mô tả	Admin cấp quyền quản trị cho một tài khoản của hệ thống.
Sự kiện kích hoạt	Admin truy nhập vào giao diện cấp quyền và nhập tài khoản cần được cấp.
Điều kiện tiên quyết	Tài khoản đăng nhập là tài khoản admin mặc định của hệ thống có quyền root.
Luồng xử lí chính	<ol style="list-style-type: none">1. Admin bấm nút Thêm quản trị viên trên giao diện trang chủ của admin.2. Hệ thống hiển thị form nhập thông tin về cấp quyền.3. Admin nhập các thông tin cần thiết và bấm nút Thêm để hoàn thành việc cấp quyền.4. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu.5. Hệ thống lưu dữ liệu cấp quyền vào CSDL.6. Hệ thống gửi mail đến tài khoản vừa được cấp quyền.7. Hệ thống thông báo kết quả.
Luồng xử lí ngoại lệ	4.a. Dữ liệu về thể loại không hợp lệ: thông báo cấp quyền thất bại.

Bảng 27. Đặc tả usecase Cấp quyền quản trị

➤ **Đặc tả usecase Xoá quyền quản trị**

Mã usecase	UC2 6
Tên usecase	Xoá quyền quản trị

Deleted: 2

Tác nhân	Admin
Mô tả	Admin xoá quyền quản trị của một tài khoản.
Sự kiện kích hoạt	Admin chọn nút xoá trong danh sách hiển thị các quản trị viên của hệ thống.
Điều kiện tiên quyết	Tài khoản đăng nhập là tài khoản admin mặc định của hệ thống có quyền root.
Luồng xử lý chính	<ol style="list-style-type: none">1. Admin bấm nút Xoá quyền trong giao diện hiển thị danh sách admin.2. Hệ thống hiển thị form xác nhận.3. Admin bấm nút Đồng ý để hoàn thành việc xoá quyền quản trị.4. Hệ thống cập nhật dữ liệu vào CSDL.5. Hệ thống thông báo kết quả của việc xoá.
Luồng xử lý ngoại lệ	Không có

Bảng 28. Đặc tả usecase Xoá quyền quản trị

➤ **Đặc tả usecase Khoá người dùng**

Mã usecase	UC27
Tên usecase	Khoá người dùng
Tác nhân	Admin
Mô tả	Admin khoá tài khoản người dùng trong một khoảng thời gian.
Sự kiện kích hoạt	Admin bấm nút Khoá tài khoản trong giao diện danh sách người dùng. Admin bấm nút khoá người dùng trong giao diện hiển thị bình luận của phim.

Deleted: 3

Điều kiện tiên quyết	Tài khoản đăng nhập có quyền quản trị viên.
Luồng xử lý chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Admin bấm nút Khoá người dùng trong giao diện danh sách người dùng hoặc khu vực hiển thị bình luận về phim. 2. Hệ thống hiển thị form để admin nhập thông tin về việc khoá tài khoản. 3. Admin nhập thông tin và bấm nút Lưu để khoá. 4. Hệ thống hiển thị form xác nhận việc khoá. 5. Admin bấm nút Đồng ý để hoàn thành thao tác. 6. Hệ thống lưu dữ liệu khoá của tài khoản này vào CSDL. 7. Hệ thống gửi mail tới tài khoản mail của người bị khoá. 8. Hệ thống thông báo khoá thành công. 9. Nút “Khoá người dùng” được chuyển thành “Bỏ khoá”.
Luồng xử lý ngoại lệ	Không có.

Bảng 29. Đặc tả usecase Khoá người dùng

➤ **Đặc tả usecase Mở khoá người dùng**

Mã usecase	UC28
Tên usecase	Mở khoá người dùng
Tác nhân	Admin
Mô tả	Admin mở khoá tài khoản cho user.
Sự kiện kích hoạt	Admin bấm vào nút “Bỏ khoá” trong giao diện chi tiết người dùng.

Điều kiện tiên quyết	Tài khoản đăng nhập có quyền quản trị.
Luồng xử lý chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Admin xem chi tiết người dùng. 3. Admin bấm vào nút “Bỏ khoá”. 4. Hệ thống cập nhật dữ liệu về người dùng. 5. Hệ thống thông báo kết quả bỏ khoá. 6. Nút “Bỏ khoá” được chuyển thành “Khoá người dùng”
Luồng xử lý ngoại lệ	Không có

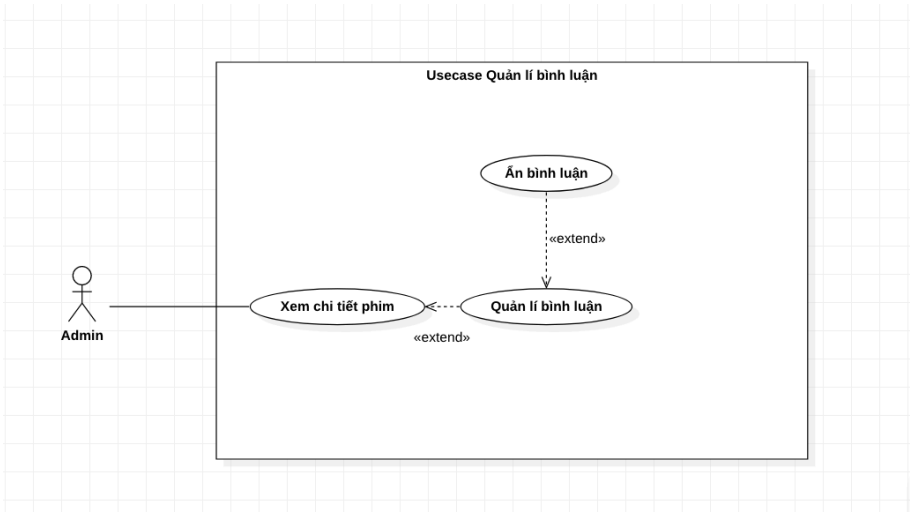
Bảng 30. Đặc tả usecase Mở khoá người dùng

➤ **Đặc tả usecase Xem thống kê**

Mã usecase	UC29
Tên usecase	Xem thống kê
Tác nhân	Admin
Mô tả	Admin xem các thống kê dữ liệu của hệ thống.
Sự kiện kích hoạt	Admin truy nhập vào trang chủ của hệ thống quản trị.
Điều kiện tiên quyết	Tài khoản đăng nhập có quyền quản trị viên.
Luồng xử lý chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Admin vào giao diện trang chủ của quản trị viên. 2. Hệ thống lấy các dữ liệu thống kê trong CSDL hiển thị lên giao diện trang chủ.
Luồng xử lý ngoại lệ	Không có.

Bảng 31. Đặc tả usecase Xem thống kê

➤ **Phân rã usecase Quản lý bình luận**



Hình 6. Biểu đồ phân rã usecase Quản lý bình luận

➤ **Đặc tả usecase Ẩn bình luận**

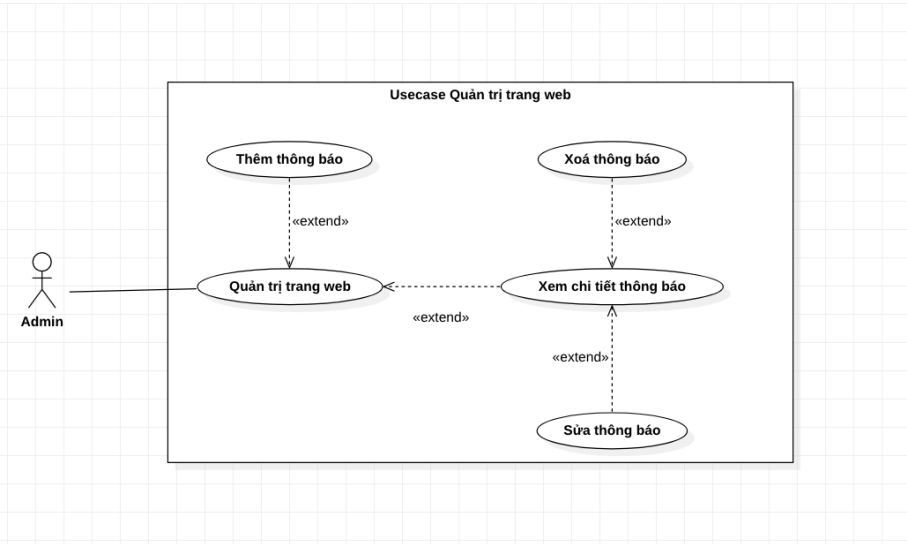
Mã usecase	UC30
Tên usecase	Ẩn bình luận
Tác nhân	Admin
Mô tả	Admin ẩn bình luận của người dùng trong các bình luận về phim.
Sự kiện kích hoạt	Admin chọn bình luận cần ẩn và bấm nút Ẩn trong giao diện hiển thị bình luận của phim.
Điều kiện tiên quyết	Tài khoản đăng nhập có quyền quản trị viên.
Luồng xử lý chính	1. Admin chọn bình luận cần ẩn và bấm nút Ẩn.

Deleted: 25

	<div>2. Hệ thống hiển thị form xác nhận có đồng ý muốn ẩn.</div> <div>3. Admin bấm nút đồng ý để hoàn thành thao tác.</div> <div>4. Hệ thống cập nhật dữ liệu về bình luận bị ẩn vào CSDL.</div> <div>5. Hệ thống thông báo kết quả ẩn bình luận.</div> <div>6. Giao diện về bình luận được cập nhật.</div>
Luồng xử lí ngoại lệ	Không có.

Bảng 32. Đặc tả usecase Ẩn bình luận

➤ Phân rã usecase Quản trị trang web



Hình 7. Biểu đồ phân rã usecase Quản trị trang web

➤ Đặc tả usecase Thêm thông báo

Mã usecase	UC31
Tên usecase	Thêm thông báo
Tác nhân	Admin

Deleted: 26

Mô tả	Admin thêm thông báo tới người dùng.
Sự kiện kích hoạt	Admin bấm nút thêm thông báo ở giao diện trang chủ của hệ thống quản trị.
Điều kiện tiên quyết	Tài khoản đăng nhập có quyền quản trị viên.
Luồng xử lý chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Admin bấm nút thêm thông báo ở giao diện trang chủ của hệ thống quản trị. 2. Hệ thống hiển thị form để nhập dữ liệu về thông báo. 3. Admin bấm nút Thêm để hoàn thành thao tác. 4. Hệ thống lưu thông báo vào CSDL. 5. Thông báo sẽ được hiển thị lên giao diện của ứng dụng.
Luồng xử lý ngoại lệ	Không có.

Bảng 33. Đặc tả usecase Thêm thông báo

➤ **Đặc tả usecase Xem chi tiết thông báo**

Mã usecase	UC32
Tên usecase	Xem chi tiết thông báo
Tác nhân	Admin
Mô tả	Admin xem thông tin chi tiết của một thông báo
Sự kiện kích hoạt	Admin bấm vào một thông báo trong danh sách thông báo của giao diện quản trị trang web
Điều kiện tiên quyết	Tài khoản đăng nhập có quyền quản trị viên.

Luồng xử lý chính	<ol style="list-style-type: none"> Admin bấm vào một thông báo trong danh sách thông báo. Hệ thống lấy dữ liệu của thông báo và hiển thị giao diện chi tiết thông báo.
Luồng xử lý ngoại lệ	Không có.

Bảng 34. Đặc tả usecase Xem chi tiết thông báo

➤ **Đặc tả usecase Sửa thông báo**

Mã usecase	UC33
Tên usecase	Sửa thông báo
Tác nhân	Admin
Mô tả	Admin sửa thông tin của một thông báo.
Sự kiện kích hoạt	Admin bấm nút sửa thông báo ở giao diện xem chi tiết thông báo.
Điều kiện tiên quyết	Tài khoản đăng nhập có quyền quản trị viên.
Luồng xử lý chính	<ol style="list-style-type: none"> Admin bấm nút sửa thông báo ở giao diện chi tiết thông báo. Hệ thống hiển thị form để nhập dữ liệu về thông báo. Admin bấm nút Lưu để hoàn thành thao tác. Hệ thống lưu thông báo vào CSDL. Hệ thống thông báo kết quả sửa thông báo.
Luồng xử lý ngoại lệ	Không có.

Bảng 35. Đặc tả usecase Sửa thông báo

➤ **Đặc tả usecase Xoá thông báo**

Mã usecase	UC34
------------	------

Tên usecase	Xoá thông báo
Tác nhân	Admin
Mô tả	Admin xoá một thông báo.
Sự kiện kích hoạt	Admin bấm nút xoá thông báo ở giao diện xem chi tiết thông báo.
Điều kiện tiên quyết	Tài khoản đăng nhập có quyền quản trị viên.
Luồng xử lý chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Admin bấm nút xoá thông báo ở giao diện chi tiết thông báo. 2. Hệ thống hiển thị form để admin xác nhận xoá. 3. Admin bấm nút Đồng ý để hoàn thành thao tác. 4. Hệ thống lưu thông báo vào CSDL. 5. Hệ thống thông báo kết xoá thông báo.
Luồng xử lý ngoại lệ	Không có.

Bảng 36. Đặc tả usecase Xoá thông báo

2.2 Yêu cầu phi chức năng

Không có yêu cầu phi chức năng cho hệ thống này.